

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2023/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 03.2023

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục An toàn thực phẩm; Cục trưởng Cục Y tế dự phòng;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn về nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm và lộ trình thực hiện đối với thực phẩm được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm lưu thông tại Việt Nam; các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Năng lượng (Energy)* là năng lượng hóa học mà cơ thể con người thu được từ thực phẩm để duy trì sự sống, hoạt động và tăng trưởng, được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo ra năng lượng trong thực phẩm (chất đạm, chất béo, chất bột đường...).

2. *Chất đạm (Protein)* là hợp chất hữu cơ có chứa nitơ được cấu thành từ các axit amin, được tính theo quy ước bằng cách áp dụng các hệ số chuyển đổi các giá trị của nitơ hữu cơ có trong thực phẩm.

3. *Carbohydrat (Carbohydrates)* là hợp chất của cacbon, oxy, hydro được sắp xếp dưới dạng đường đơn (monosaccarid) hoặc bội số của đường đơn.

4. *Đường tổng số (Total Sugars)* là tổng lượng đường đơn, đường đôi có trong thực phẩm (bao gồm cả đường tự nhiên và đường cho thêm vào trong thực phẩm).

5. *Chất béo (Total Fat)* là hợp chất hữu cơ không chứa nitơ, thành phần chính là triglycerid, các axit béo, cholesterol và phospholipid.

6. *Chất béo bão hòa (Saturated Fat)* là một loại chất béo trong đó các chuỗi axit béo không có các liên kết đôi trong cấu trúc hóa học.

7. *Natri (Sodium)* là thành phần có trong muối ăn, gia vị mặn và một số thực phẩm tự nhiên, phụ gia thực phẩm khác.

8. *Giá trị dinh dưỡng tham chiếu* là giá trị số, được khuyến nghị dựa trên dữ liệu khoa học về nhu cầu dinh dưỡng cơ thể cần ăn hàng ngày nhằm duy trì tình trạng dinh dưỡng tối ưu và/hoặc giảm nguy cơ mắc bệnh không lây nhiễm liên quan đến chế độ ăn uống.

Điều 4. Thực phẩm không thuộc điều chỉnh của Thông tư

1. Thông tư này không điều chỉnh đối với các thực phẩm sau đây:

- a) Nguyên liệu thực phẩm không bán trực tiếp cho người tiêu dùng;
- b) Thực phẩm có một thành phần nguyên liệu duy nhất;
- c) Nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai (bao gồm cả loại chỉ bổ sung CO₂ và/hoặc hương liệu), nước đá dùng liền;
- d) Muối thực phẩm;
- d) Giấm ăn và các chất thay thế cho giấm bao gồm cả loại chỉ bổ sung hương liệu;

- c) Hương liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;
- g) Men (enzym) thực phẩm;
- h) Chè các loại, cà phê không chứa thành phần bổ sung khác trừ phẩm màu, hương liệu;
- i) Thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 43/2017/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ và thực phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP).
- k) Thực phẩm bảo vệ sức khỏe;
- l) Đồ uống có cồn.

3. Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP: không bắt buộc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tự nguyện ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm thì phải thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Nguyên tắc ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm

1. Việc ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm phải bảo đảm tuân thủ quy định tại Thông tư này và tuân thủ các quy định về ghi nhãn hàng hóa của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa, pháp luật về an toàn thực phẩm có liên quan.
2. Bảo đảm tính chính xác, không được gây ra cách hiểu sai lệch, nhầm lẫn về giá trị dinh dưỡng của sản phẩm thực phẩm.
3. Thông tin thành phần, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm thực phẩm phải dễ nhận biết, dễ hiểu và không thể tẩy xóa.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG, CÁCH GHI THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG, GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Điều 6. Nội dung ghi thành phần dinh dưỡng

PA1:

1. Thực phẩm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam thực hiện ghi các thành phần dinh dưỡng sau đây:

- a) Năng lượng.
- b) Chất đạm.
- c) Carbohydrat.
- d) Đường tổng số.
- d) Chất béo.
- c) Chất béo bão hòa.
- g) Natri.

2. Đối với thực phẩm không chứa một hoặc một số thành phần dinh dưỡng hoặc có chứa thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này nhưng giá trị dinh dưỡng của thành phần đó nhỏ hơn giá trị theo hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này thì không bắt buộc ghi thành phần dinh dưỡng đó trên nhãn thực phẩm. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu tự nguyện ghi thành phần dinh dưỡng đó thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

PA2:

1. Thực phẩm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam thực hiện ghi các thành phần dinh dưỡng sau đây:

- a) Năng lượng.
- b) Chất đạm.
- c) Carbohydrat.
- d) Chất béo.
- d) Natri.

2. Đối với đồ uống có đường, thực phẩm có đường: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và đường tổng số.

3. Đối với thực phẩm được chế biến dưới hình thức chiên rán: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và chất béo bão hòa.

4. Đối với thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và đường tổng số, chất béo bão hòa và tuân thủ quy định nhãn thức ăn bổ sung dùng cho trẻ nhỏ tại Điều 9 Nghị định 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ quy định về kinh

doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo.

5. Đối với một số loại thực phẩm không chứa một hoặc một số thành phần dinh dưỡng hoặc có chứa thành phần dinh dưỡng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nhưng giá trị dinh dưỡng của thành phần đó nhỏ hơn giá trị theo hướng dẫn tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này thì không bắt buộc ghi thành phần dinh dưỡng đó trên nhãn thực phẩm. Trường hợp cơ sở tự nguyện ghi thành phần dinh dưỡng đó thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 7. Cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng

1. Thông tin về giá trị năng lượng được tính bằng ki-lô-ca-lo (kcal); thông tin về hàm lượng chất đạm, chất bột đường, đường tổng số, chất béo, chất béo bão hòa được tính bằng số gam (g); thông tin về hàm lượng natri được tính bằng miligam. Thông tin các thành phần dinh dưỡng được biểu thị trong 100g hoặc 100ml thực phẩm hoặc trong một phần ăn đã được xác định hàm lượng trên nhãn hoặc theo mỗi phần đóng gói khi số phần trong bao gói đó được công bố.

2. Biểu thị phần trăm (%) giá trị dinh dưỡng tham chiếu đối với các thành phần dinh dưỡng quy định tại Điều 5 Thông tư này:

PA1: Ngoài việc biểu thị thông tin các thành phần dinh dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều này, thực phẩm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam còn phải biểu thị thêm phần trăm (%) giá trị dinh dưỡng tham chiếu theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

PA2: Việc biểu thị phần trăm (%) giá trị dinh dưỡng tham chiếu đối với các thành phần dinh dưỡng quy định tại Điều 5 Thông tư này do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu tự nguyện thực hiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu biểu thị thêm phần trăm (%) giá trị dinh dưỡng tham chiếu thì thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Giá trị dinh dưỡng của các thành phần dinh dưỡng quy định tại Điều 5 Thông tư này phải được thể hiện bằng số, đầy đủ thông tin theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Giá trị khoảng dung sai của các thành phần dinh dưỡng quy định tại Điều 5 Thông tư này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Lộ trình thực hiện

Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2025, thực phẩm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư phải thực hiện việc ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

CHƯƠNG III**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Thực phẩm chưa ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư này đã được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thì được tiếp tục được lưu thông, sử dụng cho đến hết hạn sử dụng ghi trên nhãn thực phẩm đó.

Điều 11. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Cục An toàn thực phẩm, Cục Y tế dự phòng theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

b) Vụ Pháp chế phối hợp với Cục An toàn thực phẩm, Cục Y tế dự phòng tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Việc tổ chức triển khai, kiểm tra, thanh tra thực hiện Thông tư này đối với thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương quy định tại Điều 63, Điều 64 Luật An toàn thực phẩm và Điều 38, Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương thực hiện theo thẩm quyền quản lý.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Thông tư này tại địa phương.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban xã hội của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Công thông tin điện tử Chính phủ);
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: V1, PC (02b).

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan

Phụ lục I**Giá trị dinh dưỡng tham chiếu**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BYT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị đo lường	Giá trị dinh dưỡng tham chiếu
1	Năng lượng	Kcal	2000
2	Chất đạm	g	50
3	<i>Carbohydrat</i>	g	305
4	Đường tổng số	g	50
5	Chất béo	g	56
6	Chất béo bão hòa	g	20
7	Natri	mg	2000

Phụ lục II

Hướng dẫn ghi giá trị dinh dưỡng của thành phần dinh dưỡng

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BYT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Tùy theo cách thức đóng gói của sản phẩm, cơ sở sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm lưu thông tại Việt Nam trình bày phù hợp với một trong các mẫu sau:

Mẫu 1a. Ghi nhãn theo chiều dọc trên 100g hoặc 100ml thực phẩm

THÔNG TIN DINH DƯỠNG			
Thành phần dinh dưỡng	Trong 100g hoặc 100ml		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng	kcal%
Chất đạm	g%
<i>Carbohydrat</i>	g%
Đường tổng số	g%
Chất béo	g%
Chất béo bão hòa	g%
Natri	mg%

* % Giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000 kcal/người/ngày.

Mẫu 1b. Mẫu ghi nhãn ngang trên 100g hoặc 100ml thực phẩm

<p>THÔNG TIN DINH DƯỠNG:</p> <p>Thành phần dinh dưỡng trong 100g hoặc 100 ml:</p> <p>Năng lượng.....kcal (%); Chất đạmg (...%); <i>Carbohydrat</i>....g (...%); Đường tổng sốg (...%); Chất béog (...%); Chất béo bão hoà.....g (...%); Natri.....mg (...%).</p> <p>% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000 kcal/người/ngày.</p>
--

Mẫu 2a. Ghi theo chiều dọc trên một phần ăn¹ hoặc một phần đóng gói

THÔNG TIN DINH DƯỠNG			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn hoặc một phần đóng gói (g/ml)		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng	kcal%
Chất đạm	g%
<i>Carbohydrat</i>	g%
Đường tổng số	g%
Chất béo	g%
Chất béo bão hòa	g%
Natri	mg%

* % Giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000 kcal/người/ngày.

Mẫu 2b. Mẫu ghi nhãn ngang trên một phần ăn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG:
 Thành phần dinh dưỡng trên một phần ăn:
 Năng lượng.....kcal(%); Chất đạmg (...%); *Carbohydrat*g (....%); Đường
 tổng sốg (.....%); Chất béo.....g (....%); Chất béo bão hoàg (....%);
 Natri.....mg (.....%).

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000 kcal/người/ngày.

¹ Một phần ăn là lượng thực phẩm sử dụng cho một lần ăn theo khuyến cáo của nhà sản xuất

Phụ lục III

Thành phần dinh dưỡng không bắt buộc ghi trên nhãn thực phẩm²
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BYT ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Thành phần năng lượng có giá trị ≤ 4 kcal trên 100 ml (dạng lỏng).
2. Thành phần chất béo có giá trị $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc trên 100 ml (dạng lỏng).
3. Thành phần chất béo bão hòa có giá trị $\leq 0,1$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc 0,1 g trên 100 ml (dạng lỏng).
4. Thành phần đường tổng số có giá trị $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc 0,5 g trên 100 ml (dạng lỏng).
5. Thành phần Natri có giá trị $< 0,005$ g trên 100 g.
6. Thành phần chất đạm $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc trên 100 ml (dạng lỏng).
7. Thành phần Carbohydrat có giá trị $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc trên 100 ml (dạng lỏng).

² Phụ lục này chỉ để xác định việc không bắt buộc ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm và không sử dụng cho các mục đích khác.